

Số: 1269 /DBV

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV**

- Mã chứng khoán: AIC

- Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 024.6276.5555

Fax: 024.6276.5556

2. Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV xin công bố cập nhật điều chỉnh tài liệu hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/8/2025 (chi tiết file đính kèm).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/8/2025 tại đường dẫn <https://dbvi.com.vn/nha-dau-tu>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VPCT.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ
CBTT

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Đức Trung

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 28/8/2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV**Thời gian tổ chức: 09 giờ 00 phút, Ngày 28 tháng 08 năm 2025****Địa điểm:** Phòng họp Tầng 24, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, TP Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
08h30-09h00	Đón tiếp đại biểu, cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu
09h00-09h10	Ổn định tổ chức, khai mạc Đại hội
09h10-09h15	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
09h15 -09h30	– Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu – Thông qua Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của Đại hội
09h30-10h00	– Trình bày tờ trình của HĐQT về việc: (i) Thay đổi số lượng thành viên HĐQT; (ii) Miễn nhiệm và bầu bổ sung/thay thế thành viên HĐQT; (iii) Miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên BKS; (iv) Thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật; (v) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; (vi) Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT. – Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (nếu có).
10h00-10h15	– Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề. – Cổ đông thực hiện bỏ phiếu biểu quyết, bầu thành viên HĐQT/BKS
10h15-10h30	– Nghỉ giải lao – Ban kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu
10h30 – 10h45	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung
10h45-11h00	– Thông qua Nghị quyết và Biên bản của Đại hội. – Tuyên bố bế mạc Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Dũng

Hanoi, August 4th 2025

INVITATION

EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 28/8/2025

To: Shareholders of DBV Insurance Group Joint Stock Company

The Board of Directors of DBV Insurance Group Joint Stock Company respectfully announces and cordially invites our valued shareholders to attend the Extraordinary General Meeting of Shareholders 28/8/2025 as follows:

1. Time: 09:00, August 28th, 2025.

2. Place: Meeting Room, 24th Floor, Vinacomin Building, No.3 Duong Dinh Nghe Street, Yen Hoa Ward, Hanoi.

3. Agenda:

- Approval of the addition/replacement of Board of Directors members;
- Approval of the addition/replacement of Board of Supervisor members;
- Approval of Charter amendment;
- Approval of amendments to the Board of Directors' Operating Regulations;
- Approval of other issues within the authority of the General Meeting of Shareholders (if any).

4. Eligible Attendees: Shareholders listed in the Shareholder Register as of **July 30th, 2025**, which is the cutoff date for the shareholder list as per the Board of Directors' notice

5. Notes:

▪ Shareholders or their authorized representatives attending the meeting are kindly requested to bring the following documents: **(1) Invitation letter; (2) ID card/Passport; (3) Power of Attorney (if attending by proxy).**

▪ Meeting materials will be made available on the website: **<https://dbvi.com.vn/dai-hoi-dong-co-dong.html>**

▪ Kindly confirm your attendance, proxy appointment, or any contributions or comments to the meeting before **August 26th, 2025**, via fax or email.

▪ Shareholders are responsible for their own expenses related to travel, accommodation, and other costs.

For further information, please contact:

DBV INSURANCE GROUP
JOINT STOCK COMPANY

Mr Nguyễn Quang Đức

Respectfully announced!

Address: 25th Floor, Vinacomin Building, 3 Duong Dinh Nghe Street, Yen Hoa, Hanoi.

Phone: (024) 6 276.5555 / Mobile: 0974.08.9876

Fax: (024) 6 276 5556 ; Email: ducnq@dbvi.com.vn

ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHAIRMAN



Lê Tuấn Dũng

**GIẤY XÁC NHẬN HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 28/08/2025 CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV**

Kính gửi: Ban Tổ chức họp ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV

Tên cá nhân/Tổ chức:

CCCD/CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....do.....cấp ngày...../...../.....

(*) Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ:

Số cổ phần sở hữu: CP (Bằng chữ: CP)

Xác nhận sẽ đến tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 28/08/2025 (đánh dấu X vào ô chọn) ☐

hoặc ủy quyền cho người khác (đánh dấu X vào ô chọn) ☐

Ủy quyền cho Ông (bà) có tên dưới đây:

Họ tên:

CCCD/CMND/Hộ chiếu số:.....do.....cấp ngày...../...../.....

Số cổ phần ủy quyền:

Được quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/08/2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại kỳ họp ĐHĐCĐ tương ứng với số cổ phần đã ủy quyền. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi công việc được thực hiện xong.
Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Người nhận ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Cổ đông xác nhận tham dự hoặc ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

**ATTENDANCE CONFIRMATION/AUTHORIZATION LETTER FOR
EXTRAORDINARY GENERAL MEETING ON 28/08/2025 (“EGM”)**

To: DBV Insurance Group Joint Stock Company’s EGM Organization Committee

Shareholder name:

ID/Passport/Certificate of Business Registration No: issued by.....
on...../...../.....

(*) Legal representative (if organization):

Address:

Number of shares owned: shares (*By word* : shares)

Confirm to attend EGM of Shareholders on 28/08/2025 (mark X in the box) ☐

or authorize other individuals with the following information (mark X in the box) ☐

Fullname:

ID/Passport No: issued by..... on...../...../.....

Quantity of authorized shares:

to attend **Extraordinary General Meeting of Shareholders on 28/08/2025** of DBV Insurance Group Joint Stock Company and have all the rights and obligations at the General Meeting of Shareholders in proportion to the quantity of authorized shares. We are fully responsible for the authorization and commit to strictly comply with the current provisions of the Law and the DBV Insurance Group Joint Stock Company’s Charter.

This authorization letter is valid from the signing date until the end of the EGM. The authorized person is not allowed to re-authorize to another person.

Authorized Person
(sign and write full name)

....., date month year
Attendance Confirmation/Authorization
of shareholder
(sign, write full nam, stamp (if organization))

Số: 16/2025/TTr-HĐQT

Ngày 22 tháng 08 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (“DBV”, “Công ty”);
- Căn cứ Quy chế hoạt động hiện hành của Hội đồng Quản trị DBV;

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thay đổi số lượng thành viên HĐQT, cụ thể:

Ngày 04/7/2025, HĐQT nhận được đề nghị bằng văn bản của DB Insurance Co., Ltd – cổ đông lớn của DBV đề về việc thay đổi số lượng thành viên HĐQT để phù hợp với nhu cầu quản trị của Công ty trong thời gian tới. Bằng văn bản này, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua việc thay đổi số lượng thành viên HĐQT của Công ty, cụ thể:

- Số lượng thành viên HĐQT hiện tại: 04 thành viên
- Số lượng thành viên HĐQT sau thay đổi: 05 thành viên

2. Bầu bổ sung và thay thế thành viên HĐQT, cụ thể:

Ngày 23/7/2025, HĐQT nhận được đơn từ nhiệm của ông Kim Jong Uk – thành viên HĐQT. Để đảm bảo số lượng thành viên HĐQT, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua:

- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Kim Jong Uk;
- Bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế thành viên HĐQT đã từ nhiệm và bầu bổ sung thêm 01 thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Như vậy, số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung tại cuộc họp ĐHĐCĐ là 02 người.

Các cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty có quyền ứng cử/đề cử người để ĐHĐCĐ thực hiện bầu bổ sung. Ứng viên HĐQT được ứng cử/đề cử để bầu bổ sung phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật kinh doanh bảo hiểm và Điều lệ Công ty.

Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như được quy định tại Luật doanh nghiệp, Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ, Quy chế bầu cử và Điều lệ Công ty.

Thông tin về người ứng cử/được đề cử để bầu làm thành viên HĐQT được giới thiệu trong tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc được giới thiệu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ để các cổ đông xem xét, thực hiện quyền bầu cử theo quy định tại Đại hội.

3. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát

Công ty nhận được Đơn từ nhiệm của 02 thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) là ông Park Hanwoong vào ngày 23/7/2025 và bà Nguyễn Thị Thu Huyền vào ngày 21/8/2025. Để đảm bảo số lượng thành viên BKS theo quy định tại Điều lệ của Công ty, HĐQT và BKS cùng kính trình ĐHĐCĐ:

a. Biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS đối với ông Park Hanwoong và bà Nguyễn Thị Thu Huyền;

b. Bầu thay thế 02 thành viên BKS đã miễn nhiệm cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.

Các cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty có quyền ứng cử/đề cử người để ĐHĐCĐ thực hiện bầu bổ sung. Ứng viên được ứng cử/đề cử để bầu bổ sung phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật kinh doanh bảo hiểm và Điều lệ Công ty.

Việc bầu bổ sung thành viên BKS sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ, Quy chế bầu cử và Điều lệ Công ty.

Thông tin về người ứng cử/được đề cử để bầu làm thành viên BKS được giới thiệu trong tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc được giới thiệu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ để các cổ đông xem xét, thực hiện quyền bầu cử theo quy định tại Đại hội.

4. Thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật

Hiện nay, Công ty chỉ có duy nhất một người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc. Tuy nhiên, với sự phát triển và mở rộng không ngừng của DBV, HĐQT nhận thấy cần thiết phải bổ sung thêm người đại diện theo pháp luật để tăng cường hiệu quả quản trị và điều hành cho Công ty. Do vậy, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua việc thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật của DBV, cụ thể:

a. Số lượng người đại diện theo pháp luật hiện tại: 01 người, chức danh là Tổng giám đốc.

b. Số lượng người đại diện theo pháp luật sau đổi: 03 người, bao gồm các chức danh: Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng người đại diện theo pháp luật sẽ được quy định tại Điều lệ Công ty, theo sự phân công của HĐQT và được quy định tại các văn bản nội bộ khác của Công ty.



5. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với các nội dung thay đổi nêu trên của Tờ trình và phù hợp với quy định của pháp luật. Thông tin chi tiết về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ được quy định tại Phụ lục 01 và dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

6. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT

Để phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo thông tin nêu tại Mục 5 Tờ trình này, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT theo thông tin chi tiết nêu tại Phụ lục 02 và dự thảo Quy chế sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Tờ trình này thay thế cho Tờ trình số 15/2025/TTr-HĐQT ngày 04/8/2025 của Hội đồng quản trị.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: PC, VP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Dũng

PHỤ LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH
TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 1	Giải thích thuật ngữ		
	d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020	d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành.	Bổ sung thêm cho phù hợp với việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội và các văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành.
	đ) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019	e) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành	Bổ sung thêm cho phù hợp với việc ban hành Luật số 56/2024/QH15 ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội, trong đó có nội dung sửa đổi Luật chứng khoán.
CHƯƠNG II	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN, SỞ GIAO DỊCH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN, SỞ GIAO DỊCH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ	Bổ để không bị nhầm lẫn với Chi nhánh Sở giao dịch của Công ty

PHỤC LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở chính, Công ty thành viên, Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	Tên, hình thức, trụ sở chính, Công ty thành viên, Sở Giao dịch , Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	
	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ: Tầng 25, Tòa Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ: Tầng 25, Tòa Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy , thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sửa đổi cho phù hợp với địa chỉ trụ sở của Công ty sau khi sắp xếp đơn vị hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
	5. Công ty có thể thành lập Công ty con, Công ty thành viên, Sở giao dịch , Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại tỉnh, thành phố trong cả nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng Quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.	5. Công ty có thể thành lập Công ty con, Công ty thành viên, Sở giao dịch , Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại tỉnh, thành phố trong cả nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng Quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.	- Bỏ “Sở giao dịch” để không bị nhầm lẫn với “Chi nhánh Sở giao dịch” của Công ty; - Trường hợp thành lập công ty con mà vốn góp của DBV có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản của Công ty thì cần ĐHCĐ thông qua. Do

PHỤC LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			vậy việc quy định “phù hợp với Nghị quyết của HĐQT” là chưa đủ mà phải thực hiện theo thẩm quyền.
Điều 3	Người đại diện theo pháp luật của Công ty		
	1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.	1. Công ty có ba (03) người đại diện theo pháp luật bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Mỗi người đại diện theo pháp luật thực hiện quyền và nghĩa vụ đại diện theo quy định tại Điều lệ này và theo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với số lượng người đại diện theo pháp luật mới
	2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật: [...] c) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này.	2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật: [...] c, Ngoài các quyền và nghĩa vụ nêu tại điểm a và b khoản này, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền và nghĩa vụ sau: - Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa	Sửa đổi để làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng người đại diện theo pháp luật

PHỤ LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		vụ quy định tại Điểm f, Khoản 2 Điều 29 Điều lệ này, theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các văn bản nội bộ khác và theo sự phân công của Hội đồng quản trị Công ty. - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại các Điểm c, Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này, theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các văn bản nội bộ khác và theo sự phân công của Hội đồng quản trị Công ty. - Tổng giám đốc có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại các Điểm i, Khoản 3 Điều 35 của Điều lệ này, theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các văn bản nội bộ khác và theo sự phân công của Hội đồng quản trị Công ty.	
Điều 5	Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty		
	2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh, đầu tư vào các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.	2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh, đầu tư vào các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.	Sửa đổi cho phù hợp với phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư, kinh doanh của Công ty
Điều 18	Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông		

PHỤC LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	Sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 143 Luật doanh nghiệp.
Điều 21	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông		

PHỤC LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này; khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và khoản 4, Điều 21, Điều lệ này.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 4 Điều này; khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và khoản 4, Điều 21 Điều lệ này.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Khoản 5, Điều 7, Luật số: 03/2022/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 11 tháng 01 năm 2022 có nội dung sửa đổi Luật doanh nghiệp 2020.
Điều 22	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty đối với tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi, bổ sung để làm rõ hơn thẩm quyền lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản của HĐQT, bao gồm cả các trường hợp nêu tại Khoản 2, Điều 147 Luật doanh nghiệp.
	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	9. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 21 Điều lệ này, Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại	Sửa đổi để thống nhất với dự thảo sửa đổi khoản 1 Điều này nhưng vẫn bảo đảm được quyền của các cổ đông là "tổ chức nắm

PHỤC LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		hội đồng cổ đông.	giữa từ 10% cổ phần phổ thông của Công ty”.
Điều 27	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		
	2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: [...] i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh Người quản lý khác do Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền của Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức lợi ích khác của những người đó;	2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: [...] i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh Người quản lý khác do Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp, tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc tham gia họp Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó	Bổ sung cho phù hợp với cơ cấu quản trị mới của Công ty và làm rõ quyền hạn của HĐQT
Điều 29	Chủ tịch Hội đồng quản trị		
	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ	Sửa đổi để phù hợp với quy định của pháp luật về

PHỤC LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.	tịch Hội đồng quản trị phải tuân thủ nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.	nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ của Chủ tịch. Quy định như hiện tại chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật kinh doanh bảo hiểm
	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; f) Ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty	Bổ sung đề quy định rõ ràng hơn thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT khi: (i) ký ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua và (ii) thực hiện các công việc khác theo sự phân công của HĐQT

PHỤC LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		và các quy chế, quy định, văn bản khác trên cơ sở đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt/thông qua; ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản khác của Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao ủy quyền, phân công nhiệm vụ; g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và theo sự phân công của Hội đồng quản trị.	
	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chối hoặc bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chối hoặc bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện	Bổ sung cho phù hợp với thực tiễn vận hành của Hội đồng quản trị

PHỤC LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH
TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành (10) ngày cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, có bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành trong thời hạn mười (10) ngày cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị .	
Điều 30		<i>Bổ sung nội dung sau:</i> Điều 30. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị bầu trong các thành viên Hội đồng quản trị một hoặc nhiều Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm một Phó chủ tịch làm đại diện theo pháp luật của Công ty. 2. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc tổ chức, điều phối hoạt động của Hội đồng quản trị;	Bổ sung để làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

PHỤ LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH
TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị phân công; b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ trong trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 29 Điều lệ này; c) Với tư cách là người đại diện theo pháp luật, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị phân công trực tiếp điều hành một số lĩnh vực, hoạt động cụ thể của Công ty; ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản khác của Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao ủy quyền, phân công nhiệm vụ; d) Tham gia xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển, chính sách quản trị, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong phạm vi được giao; e) Phối hợp với Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành trong tổ chức triển khai hoạt động của Công ty; có quyền yêu cầu cung cấp thông tin và báo cáo liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách;	

PHỤC LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		f) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Hội đồng quản trị.	
Điều 34	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc		
	3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản	3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty phù hợp với phân cấp của Hội đồng quản trị; d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty phù hợp với phân cấp của Hội đồng quản trị, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;	Sửa đổi cho phù hợp với sự phân công việc của HĐQT cho 3 người đại diện theo pháp luật.

PHỤC LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc; g) Tuyển dụng lao động; h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty phù hợp với phân cấp của Hội đồng quản trị, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc; g) Tuyển dụng lao động phù hợp với phân cấp của Hội đồng quản trị; h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i) Ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản khác của Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao ủy quyền, phân công nhiệm vụ; k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc được ủy quyền cho cấp dưới và/hoặc người khác thực hiện một, một số công việc thuộc thẩm quyền của mình.	
Điều 37	Kiểm soát viên		

PHỤ LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	2. Kiểm soát viên đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liên tiếp trước đó.	2. Kiểm soát viên đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liên tiếp trước đó.	
Điều 49	Con dấu		
	1. Dấu của Công ty được khắc hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và được sử dụng trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.	1. Dấu của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc được khắc theo quy định của pháp luật về quản lý con dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và được sử dụng trong các giao dịch của Công ty theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế áp dụng của Công ty;
	2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Sở giao dịch, Công ty thành viên, Chi nhánh, Văn phòng	2. Hội đồng quản trị quyết định số lượng con dấu của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn vận hành: thực tế HĐQT không quyết định loại dấu,

PHỤC LỤC 01: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	đại diện của Công ty (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật về con dấu.		nội dung con dấu mà nội dung này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý con dấu (do Bộ Công an quyết định).
Nội dung khác		- Sửa đầu mục điểm “đ” thành điểm “e” và sửa lại số điều, khoản, điểm của Điều lệ cho phù hợp với các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên của Điều lệ. - Bỏ các nội dung liên quan đến “Sở giao dịch” để tránh nhầm lẫn với Chi nhánh Sở giao dịch của Công ty. - Sửa đổi câu từ tại phần mở đầu và kết thúc của Điều lệ cho phù hợp với thời gian thông qua Điều lệ, các sửa đổi nêu trên và thực tế hoạt động của Công ty.	

PHỤ LỤC 02: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 5	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị		
	4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	4. Việc bổ nhiệm bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Sửa đổi cho phù hợp với tính chất của việc bầu thành viên HĐQT
Điều 7	Chủ tịch Hội đồng quản trị		
	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải tuân thủ nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.	Sửa đổi, bổ sung để làm rõ quy định và phù hợp với nội dung sửa đổi của Điều lệ được trình tại cuộc họp ĐHCĐ
	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị	

PHỤ LỤC 02: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; f) Ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và các quy chế, quy định, văn bản khác trên cơ sở đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt/thông qua; ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản khác của Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao ủy quyền, phân công nhiệm vụ; g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và theo sự phân công của Hội đồng quản trị.	
	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức	

**PHỤ LỤC 02: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH
TRONG DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	của Hội đồng quản trị hoặc chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành trong thời hạn mười (10) ngày cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	hoặc bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành trong thời hạn mười (10) ngày cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
Điều 8	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị		
		<i>Bổ sung nội dung sau:</i> Điều 8. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị bầu trong các thành viên Hội đồng quản trị một hoặc nhiều Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm một Phó chủ tịch làm đại diện theo pháp luật của Công ty.	Bổ sung để làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phó chủ tịch HĐQT và phù hợp với việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ được trình tại ĐHQĐ

**PHỤ LỤC 02: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH
TRONG DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		2. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc tổ chức, điều phối hoạt động của Hội đồng quản trị; thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị phân công; b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ trong trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 7 Quy chế này; c) Với tư cách là người đại diện theo pháp luật, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị phân công trực tiếp điều hành một số lĩnh vực, hoạt động cụ thể của Công ty; ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản khác của Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao ủy quyền, phân công nhiệm vụ; d) Tham gia xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển, chính sách quản trị, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, trong phạm vi được giao; e) Phối hợp với Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành trong tổ chức triển khai hoạt động	

**PHỤ LỤC 02: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH
TRONG DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		của Công ty; có quyền yêu cầu cung cấp thông tin và báo cáo liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách; f) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.	
Điều 11	Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản		
	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty	Sửa đổi do Công ty hoạt động theo giấy phép thành lập và hoạt động do Bộ Tài chính cấp, Công ty không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
Điều 12	Công khai lợi ích, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị		
	1. Thành viên phải kê khai các lợi ích liên quan với Công ty gồm: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan với Công ty gồm: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ	Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 164 Luật doanh nghiệp

**PHỤ LỤC 02: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH
TRONG DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó từ 5% vốn điều lệ trở lên; b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.	phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó từ 5% vốn điều lệ trở lên; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.	
Nội dung khác		- Sửa đầu mục điểm “đ” thành điểm “e” và sửa lại số thứ tự của các điều, khoản, điểm cho phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên của quy chế này. - Bỏ các nội dung liên quan đến “Sở giao dịch” để tránh nhầm lẫn với Chi nhánh Sở giao dịch của Công ty; - Sửa đổi câu từ tại phần đầu và phần cuối của Quy chế cho phù hợp với thời gian thông qua Quy chế.	

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

THÔNG BÁO

*về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV nhiệm kỳ 2023-2028*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;

- Nhằm kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của DBV,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (“DBV”, “Công ty”) trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) và thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) tiếp tục nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

I. Quy định về đề cử/ứng cử thành viên HĐQT

1. Số lượng bầu bổ sung: 02 thành viên

2. Nhiệm kỳ: 2023-2028

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.

c) Có bằng đại học trở lên;

d) Có ít nhất 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng;

e) Không được đồng thời làm thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực của DBV (bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, tái bảo hiểm) tại Việt Nam.

f) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan

4. Điều kiện đề cử/ứng cử thành viên HĐQT

4.1. Đề cử thành viên HĐQT

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tám (08) ứng viên.

4.2. Ứng cử thành viên HĐQT

Người ứng cử thành viên HĐQT phải thỏa mãn tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3, Mục I của Thông báo này.

II. Quy định về đề cử/ứng cử thành viên BKS

1. Số lượng bầu bổ sung: 02 thành viên

2. Nhiệm kỳ: 2023-2028

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên BKS

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của: thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người đại diện phần vốn của Công ty và người quản lý khác;

d) Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Thành viên BKS không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được

chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước thời điểm được đề cử/ứng cử.

f) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan

4. Thủ tục đề cử, ứng cử

4.1. Đề cử thành viên BKS

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tám (08) ứng viên.

4.2. Ứng cử thành viên BKS

Người ứng cử thành viên BKS phải thỏa mãn tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 3, Mục II của Thông báo này.

III. Hồ sơ ứng cử/đề cử

1. Thời gian gửi hồ sơ

Thời điểm chốt danh sách các hồ sơ tự ứng cử/được đề cử vào HĐQT, BKS chậm nhất trước **17h00, ngày 26/08/2025, và gửi 02 (hai)** bộ hồ sơ theo địa chỉ sau:

Ban Pháp chế và KSNB - Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (DBV)

Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, Hà Nội.

Điện thoại: 024 6276 5555 Fax: 024.6276 5556

Ngoài phong bì hồ sơ cần ghi rõ “Hồ sơ đề cử/ứng cử vào HĐQT/BKS”

2. Hồ sơ ứng cử/đề cử

- Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng viên (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);

- Bản sao chứng thực CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn;

- Văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cổ đông đề cử thành viên HĐQT/BKS (nếu cổ đông thành lập nhóm cổ đông đề cử, ứng cử).

Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đầy đủ các điều kiện đề cử/ứng cử và những ứng viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT/BKS mới được đưa vào danh sách ứng viên chính thức trình tại Đại hội đồng cổ đông Công ty để tiến hành bầu cử.

Sau thời hạn chốt danh sách hồ sơ nêu trên, cổ đông không đề cử đủ số lượng hoặc ứng viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì HĐQT đương nhiệm theo thẩm quyền sẽ đề cử ứng viên theo Điều lệ DBV.

Thông báo này thay thế cho thông báo về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV nhiệm kỳ 2023 – 2028 ngày 05/8/2025 của Hội đồng quản trị.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

**ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT/BKS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV (DBV)
NHIỆM KỲ 2023-2028**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV

Hôm nay, ngày....., tại....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (DBV), cùng nhau nắm giữ.....cổ phần phổ thông đến ngày chốt danh sách cổ đông dự họp (30/7/2025), chiếm tỷ lệ.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của DBV, có tên trong Danh sách dưới đây gồm:

TT	Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ký tên/đóng dấu
1					
2					
3					
4					
	TỔNG CỘNG				

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng viên tham gia vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV nhiệm kỳ 2023-2028, cụ thể như sau:

a. Danh sách ứng viên được đề cử vào HĐQT:

TT	Họ tên ứng cử viên	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Trình độ học vấn, chuyên ngành
1				
2				

b. Danh sách ứng viên được đề cử vào BKS:

TT	Họ tên ứng cử viên	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Trình độ học vấn, chuyên ngành
1				
2				

Đề nghị HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV ghi nhận danh sách ứng cử viên tham gia Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 của nhóm cổ đông nêu trên.

Chúng tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên theo đơn này và cam kết các ứng viên nêu trên đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định.

CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ
(ký, đóng dấu)

Lưu ý: Đối với nhóm cổ đông thì đề nghị ghi đầy đủ họ tên và chữ ký của từng Cổ đông:

- Nếu là cổ đông cá nhân đề nghị ghi rõ họ tên.
- Nếu là cổ đông pháp nhân đề nghị ghi rõ họ tên, chức vụ của người đại diện và đóng dấu.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

....., ngày tháng ... năm 2025

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT/BKS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV
NHIỆM KỲ 2023 – 2028

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV

Tôi tên là:.....

Ngày sinh:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:.....

Email:.....

Số Căn cước/CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Tại:.....

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:.....

Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng cho đến thời điểm hiện tại: cổ phần, tương ứng với: % vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên theo quy định của Điều lệ và Thông báo đề cử, ứng cử thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch theo mẫu;
2. Bản sao hợp lệ CCCD/hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

ỨNG CỬ VIÊN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Ảnh
(4x6)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BẦU CỬ VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2023 – 2028 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV**

1. Họ và tên: Giới tính: Nam/Nữ
2. Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:
3. Quốc tịch:
4. CCCD/Hộ chiếu số: Cấp ngày:
Nơi cấp:
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
6. Chỗ ở hiện tại:
7. Trình độ học vấn:
8. Trình độ chuyên môn:
9. Số cổ phần sở hữu tại DBV:
10. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo

11. Chứng chỉ

Thời gian	Tên chứng chỉ	Nơi cấp

12. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ

13. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
		Từ/...../..... đến/...../.....
		Từ/...../..... đến/...../.....
		Từ/...../..... đến/...../.....
		Từ/...../..... đến/...../.....

14. Quan hệ thân nhân

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố					
Mẹ					
Anh chị/em ruột					
Vợ/chồng					
Con					

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

....., ngày tháng năm 2025

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

(Chính quyền địa phương hoặc cơ quan nơi công tác)

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BẦU CỬ VÀO BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2023 – 2028 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV**

1. Họ và tên: Giới tính: Nam/Nữ
2. Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:
3. Quốc tịch:
4. CCCD/Hộ chiếu số: Cấp ngày: Nơi cấp:
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
6. Chỗ ở hiện tại:
7. Trình độ học vấn:
8. Trình độ chuyên môn:
9. Số cổ phần sở hữu tại DBV:
10. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo

11. Chứng chỉ

Thời gian	Tên chứng chỉ	Nơi cấp

12. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ

13. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
		Từ/...../..... đến/...../.....
		Từ/...../..... đến/...../.....
		Từ/...../..... đến/...../.....
		Từ/...../..... đến/...../.....

14. Quan hệ thân nhân

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố					
Mẹ					
Anh chị/em ruột					
Vợ/chồng					
Con					

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

....., ngày tháng năm 2025

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

(Chính quyền địa phương hoặc cơ quan nơi công tác)

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

DỰ THẢO

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 28/8/2025**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV,

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/8/2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (sau đây gọi tắt là “Công ty”).
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia cuộc họp, điều kiện, thủ tục tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/8/2025 của Công ty.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV tại thời điểm ngày **30/7/2025** (ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hoặc người, tổ chức được ủy quyền (sau đây gọi tắt là người được ủy quyền) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy tờ pháp lý của cổ đông, người được ủy quyền;
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự cuộc họp).

b) Đăng ký tham dự họp: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp và nhận tài liệu Đại hội, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.

c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người, tổ chức khác nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Cổ đông tham dự phiên họp khi muốn có ý kiến thảo luận phải ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi đã được phát kèm cùng các tài liệu của Đại hội và chuyển cho Ban thư ký.

e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

f) Các cổ đông, người được ủy quyền khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g) Trong thời gian tiến hành cuộc họp, các cổ đông, người được ủy quyền phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 3. Đoàn chủ tịch

1. Đoàn chủ tịch do Đại hội đồng cổ đông bầu; Chủ tịch đoàn là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c) Trình hoặc ủy quyền cho người khác trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông do Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp; Phát tài liệu đại hội và Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước cuộc họp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Điều 5. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký đại hội gồm 02 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự họp;

b) Chuẩn bị hòm phiếu, hướng dẫn ghi phiếu;

c) Tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu và báo cáo kết quả trước Đại hội.

d) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký;

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành phiên họp

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8. Biểu quyết tại phiên họp

1. Nguyên tắc biểu quyết:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết.

Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ Biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu, ủy quyền và đại diện), số phiếu biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV ở góc trái phía trên. Trong mỗi phiếu biểu quyết sẽ ghi các nội dung cần biểu quyết.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

a) **Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:** Được thực hiện đối với các nội dung: Thông qua chương trình họp; Thông qua quy chế làm việc của Đại hội; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu, Ban kiểm tra tư cách cổ đông; Thông qua Biên bản đại hội và các vấn đề khác được Chủ tọa đề nghị. Các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: *tán thành, không tán thành, không có ý kiến*)

b) **Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:** Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các tờ trình tại Đại hội ngoài các nội dung đã được Đại hội biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

– Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để *tán thành*, hoặc *không tán thành*, hoặc *không có ý kiến* một vấn đề bằng cách đánh dấu “X” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”. Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

c) Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền ký bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

d) Thẻ biểu quyết không hợp lệ là các thẻ:

– Thẻ biểu quyết không do Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV phát hành và không có dấu của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

– Thẻ biểu quyết không ghi đầy đủ các nội dung như: Mã số cổ đông; Tên cổ đông/đại diện cổ đông; Tổng số cổ phần được quyền biểu quyết; Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện; Tổng số cổ phần nhận ủy quyền (trong trường hợp nhận ủy quyền).

e) Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:

– Phiếu biểu quyết không do Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV phát hành và không có dấu của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

– Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến.

– Phiếu sửa chữa, gạch xóa, ghi thêm ngoài nội dung đã in sẵn.

– Phiếu điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền bên cạnh ô vuông được đánh dấu.

– Phiếu không có chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền.

f) Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một phiếu biểu quyết.

3. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên từ 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự (trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này gồm có 4 Chương, 10 Điều được thông qua tại Đại hội Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/8/2025 là cơ sở để Đại hội đồng cổ đông tiến hành Đại hội.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ
CHỦ TỊCH**

Lê Tuấn Dũng

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

DỰ THẢO

QUY CHẾ BẦU CỬ

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/8/2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;

Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/8/2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (gọi tắt là Đại Hội) biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

I/ ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.

c) Có bằng đại học trở lên;

d) Có ít nhất 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

e) Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam

f) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên.

2. Trình tự, thủ tục ứng cử, đề cử theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

II/ ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên BKS

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người đại diện phần vốn của Công ty và người quản lý khác;

d) Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Thành viên BKS không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước thời điểm đề cử, ứng cử.

f) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan

Điều 6. Ứng cử, đề cử thành viên BKS

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên.

II/ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT

Điều 7. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

- Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng viên (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);

- Bản sao chứng thực Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bản, chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn;

Điều 8. Lựa chọn và công khai ứng cử viên:

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội trên Website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu.

2. Trên cơ sở các Hồ sơ ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Đoàn Chủ tịch Đại hội lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định trên trình Đại hội bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát.

Điều 9. Đối tượng tham gia bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có quyền bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát.

Điều 10. Phương thức bầu cử và người trúng cử

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:

- Mỗi cổ đông, người đại diện có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát.

- Cổ đông, người đại diện có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên trong danh sách các ứng cử viên, nhưng không vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông, người đại diện đó nắm giữ.

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu bổ sung. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng cần bầu bổ sung của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên đó để chọn người có phiếu bầu cao hơn trúng cử.

Điều 11. Phiếu bầu

- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được in thống nhất: Sắp xếp ứng cử viên theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên ứng cử viên; ghi rõ thông tin cổ đông tham gia bầu cử.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 02 phiếu bầu gồm: 01 phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và 01 phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát.

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô “Số phiếu bầu” của ứng cử viên đó trên phiếu bầu, ký và ghi rõ họ tên.

Điều 12. Ban kiểm phiếu

*** Ban kiểm phiếu**

- Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử (thành viên không được là người trong danh sách đề cử, ứng cử) và được Đại hội biểu quyết thông qua;
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - + Hướng dẫn thể lệ bầu cử theo Quy chế bầu cử được Đại hội thông qua.
 - + Phát và thu phiếu bầu.
 - + Tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu.
 - + Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

*** Bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Ban kiểm phiếu kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi hoàn tất việc phát phiếu bầu cử, kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Phiếu bầu không hợp lệ, gồm:
 - + Phiếu không do Ban tổ chức Đại hội phát ra, không có dấu của Công ty;
 - + Phiếu gạch xoá, sửa chữa mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh; hoặc phiếu ghi thêm ứng cử viên ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại hội biểu quyết thông qua;
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc người đại diện đó nắm giữ;
 - + Phiếu không ký và ghi họ tên cổ đông vào phiếu bầu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội;
- Các phiếu bầu sau khi đã kiểm được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Điều 13. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 14. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Đoàn Chủ tịch Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này có hiệu lực ngay khi Đại hội thông qua, là cơ sở để Đại hội bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Lê Tuấn Dũng

Số: /2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 28/08/2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (“Công ty”);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 28/08/2025 của Công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cụ thể:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) hiện tại: 04 thành viên
2. Số lượng thành viên HĐQT sau thay đổi: 05 thành viên

Điều 2. Thông qua việc miễn nhiệm, bầu bổ sung và thay thế thành viên HĐQT, cụ thể:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Kim Jong Uk.
2. Thông qua kết quả bầu cử và công nhận Ông/Bà và Ông/Bà ... đã trúng cử thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Điều 3. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát (“BKS”), cụ thể:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với ông Park Hanwoong và bà Nguyễn Thị Thu Huyền.
2. Thông qua kết quả bầu cử và công nhận Ông/Bà và Ông/Bà ... đã trúng cử thành viên BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Điều 4. Thông qua việc thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật, cụ thể:

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật hiện tại: 01 người, chức danh là Tổng giám đốc.
2. Số lượng người đại diện theo pháp luật sau đổi: 03 người, bao gồm các chức

danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

Điều 5. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo thông tin chi tiết về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ được quy định tại Phụ lục 01 và dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm Nghị quyết này.

Điều 6. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo thông tin chi tiết về nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại Phụ lục 02 và dự thảo Quy chế sửa đổi, bổ sung đính kèm Nghị quyết này.

Điều 7. Các quyết định và nội dung nêu tại Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông DBV;
- Như Điều 7;
- Lưu: PC, VP.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tọa Đại hội

Lê Tuấn Dũng

THẺ BIỂU QUYẾT

Mã số:

TÊN CỔ ĐÔNG/ĐD CỔ ĐÔNG:

CP

*Thẻ biểu quyết này chỉ có giá trị trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
ngày 28/8/2025*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 28/8/2025
PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Dùng cho Cổ đông/đại diện cổ đông có mặt trực tiếp
tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông)

Tên cổ đông/Đại diện cổ đông:**Mã cổ đông:****Số Căn cước/CCCD/ĐKKD:****Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:**

Biểu quyết các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/8/2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (“DBV”, “Công ty”) như sau:

CÁC NỘI DUNG CẦN BIỂU QUYẾT

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua việc thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật			
2	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty			
3	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT			

Lưu ý:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào 1 trong 3 ô biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”.
- Phiếu hợp lệ là phiếu có trả lời cụ thể theo các lựa chọn trên.
- Phiếu không hợp lệ là:
 - + Phiếu Biểu Quyết không phải do Ban Tổ chức phát hành;
 - + Phiếu Biểu Quyết không có dấu đỏ của Công ty;
 - + Phiếu Biểu Quyết không điền ô nào hoặc điền từ 2 ô trở lên cho mỗi một nội dung cần biểu quyết;
 - + Phiếu Biểu Quyết bị tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm ngoài nội dung đã in sẵn;
 - + Phiếu Biểu Quyết rách ròi không còn nguyên vẹn, không có chữ ký xác nhận.

Hà Nội, Ngày 28 tháng 08 năm 2025

Cổ đông/Người nhận ủy quyền

(ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 28/8/2025
PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**1. Thông tin cổ đông tham gia bầu cử****TÊN CỔ ĐÔNG/ĐD CỔ ĐÔNG:****MÃ SỐ PHIẾU:****TỔNG SỐ CỔ PHẦN (*):****TỔNG SỐ PHIẾU BẦU= (*) x SL ứng viên:****2. Phân bầu cử:**

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1	NGUYỄN VĂN A	
2	TRẦN THỊ B	

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho ứng viên có tên trong danh sách. Phần phiếu bầu còn lại (nếu có) có thể không bầu cho bất cứ ứng viên nào. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên cộng lại không quá tổng số phiếu bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

- Số lượng phiếu bầu của mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó./.

4. Xác định tính hợp lệ của Phiếu bầu cử:

Phiếu bầu cử hợp lệ phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Phiếu do Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (theo mẫu do Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV quy định và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV).

- Phiếu **không được** tẩy xóa, cạo sửa tên của ứng viên;

- Các thông tin trên Phiếu **không được** ghi bằng bút chì;

- Phiếu **không** ghi thêm tên ứng viên nằm ngoài Danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên **không** vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc người đại diện đó nắm giữ;

- Phiếu có chữ ký và ghi họ tên cổ đông vào phiếu bầu.

Cổ đông/Người nhận ủy quyền
(ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 28/8/2025
PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**1. Thông tin cổ đông tham gia bầu cử****TÊN CỔ ĐÔNG/ĐD CỔ ĐÔNG:****MÃ SỐ PHIẾU:****TỔNG SỐ CỔ PHẦN(*):****TỔNG SỐ PHIẾU BẦU= (*) x SL ứng viên :****2. Phần bầu cử:**

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1	LÊ VĂN C	
2	PHẠM THU D	

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho ứng viên có tên trong danh sách. Phần phiếu bầu còn lại (nếu có) có thể không bầu cho bất cứ ứng viên nào. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên cộng lại không quá tổng số phiếu bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

- Số lượng phiếu bầu của mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó./.

4. Xác định tính hợp lệ của Phiếu bầu cử:

Phiếu bầu cử hợp lệ phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Phiếu do Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (theo mẫu do Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV quy định và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV).

- Phiếu **không được** tẩy xóa, cạo sửa tên của ứng viên;

- Các thông tin trên Phiếu **không được** ghi bằng bút chì;

- Phiếu **không** ghi thêm tên ứng viên nằm ngoài Danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên **không** vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc người đại diện đó nắm giữ;

- Phiếu có chữ ký và ghi họ tên cổ đông vào phiếu bầu.

Cổ đông/Người nhận ủy quyền*(ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Hà Nội

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

(Sửa đổi lần thứ 13)

Hà Nội, tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, Công ty thành viên, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	7
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	8
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 30. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
Điều 32. Bộ máy giúp việc trực thuộc Hội đồng quản trị.....	36
Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty	37
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	37
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý.....	38
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	38
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	39
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	39
Điều 37. Kiểm soát viên.....	40
Điều 38. Ban kiểm soát.....	41
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	42
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	42
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	42
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	43
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	44
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	45
CHƯƠNG XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	45
Điều 43. Phân phối lợi nhuận.....	45
CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	46
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	46
Điều 45. Năm tài chính	46
Điều 46. Chế độ kế toán.....	47
CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	47
Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	47
Điều 48. Báo cáo thường niên	47
CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	47
Điều 49. Kiểm toán.....	48
CHƯƠNG XVI. CON DẤU	48
Điều 50. Con dấu	48
CHƯƠNG XVII. GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ	49

Điều 51. Giải thể	49
Điều 52. Thanh lý	49
CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	50
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	50
CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	50
Điều 54. Điều lệ Công ty	50
CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 55. Ngày hiệu lực	51

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

PHẦN MỞ ĐẦU

Chúng tôi, những cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 8 năm 2025 đã nhất trí thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thống nhất ban hành bản Điều lệ này với các nội dung sau:

CHƯƠNG I
CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “Công ty” là Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
 - b) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp, được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c) “Vốn có quyền biểu quyết” là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
 - e) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
 - f) “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - g) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu: ngày 23 tháng 4 năm 2008;

h) “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Công ty thành viên, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Ban hoặc Người phụ trách các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ.

i) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

l) “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;

m) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (theo quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán);

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế;

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, Công ty thành viên, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV
- Tên tiếng Anh: DBV Insurance Group Joint Stock Company
- Tên giao dịch tiếng Việt: Tập đoàn Bảo hiểm DBV
- Tên giao dịch tiếng Anh: DBV Insurance Group
- Tên viết tắt tiếng Việt: Bảo hiểm DBV
- Tên viết tắt tiếng Anh: DBV Insurance

2. Công ty thuộc hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp

và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Tầng 25, Tòa Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: 024.62765555

- Fax: 024.62765556

- E-mail: Info@dbvi.com.vn

- Website: dbvi.com.vn

4. Địa bàn hoạt động của Công ty trên phạm vi cả nước và nước ngoài, phù hợp với mục tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty và các quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể thành lập Công ty con, Công ty thành viên, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại tỉnh, thành phố trong cả nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng Quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

6. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Việc sửa đổi hoặc chấm dứt hoạt động sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải theo đúng trình tự, thủ tục và các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác liên quan.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có ba (03) người đại diện theo pháp luật bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Mỗi người đại diện theo pháp luật thực hiện quyền và nghĩa vụ đại diện theo quy định tại Điều lệ này và theo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

c) Ngoài các quyền và nghĩa vụ nêu tại điểm a và b khoản này, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điểm f, Khoản 2 Điều 29 Điều lệ này, theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các văn bản nội bộ khác và theo sự phân công của Hội đồng quản trị Công ty.

- Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại các Điểm c, Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này, theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các văn bản nội bộ khác và theo sự phân công của Hội đồng quản trị Công ty.

- Tổng giám đốc có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại các Điểm i, Khoản 3 Điều 35 của Điều lệ này, theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các văn bản nội bộ khác và theo sự phân công của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam và ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam hoặc các trường hợp không thể thực hiện được quyền đại diện theo pháp luật của mình. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

a) Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc:

a1. Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;

a2. Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;

a3. Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường sông, đường biển, đường sắt và đường hàng không;

a4. Bảo hiểm hàng không;

a5. Bảo hiểm xe cơ giới;

a6. Bảo hiểm cháy, nổ;

a7. Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;

a8. Bảo hiểm trách nhiệm chung;

a9. Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;

a10. Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;

a11. Bảo hiểm nông nghiệp;

a12. Bảo hiểm bảo lãnh;

a13. Các loại hình bảo hiểm khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động và/hoặc Giấy phép điều chỉnh.

b) Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

c) Đầu tư vốn theo quy định của pháp luật.

d) Giám định tổn thất: giám định, điều tra, tính toán, phân bổ tổn thất, đại lý giám định tổn thất, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.

e) Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là kinh doanh có lãi; đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, người lao động; hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty, Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh, đầu tư vào các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 100.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy

đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

c) Thanh toán mọi chi phí liên quan từ việc cấp lại cổ phiếu mới cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi

rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng,

giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc bằng phương tiện khác được pháp luật công nhận;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức trực tiếp tại địa điểm ở trên lãnh thổ Việt Nam hoặc bằng hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Trường hợp tổ chức họp trực tuyến, nếu không có thông báo khác, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là trụ sở Công ty.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư, bán số tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư, bán số tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên

Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào

chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (tham dự trực tiếp hoặc tham dự trực tuyến và bỏ phiếu điện tử) đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có thể được tiến hành họp, bàn thảo và biểu quyết các nội dung cuộc họp bằng phương thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử; gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua gửi thư, fax hoặc thư điện tử hoặc bằng phương thức khác theo quy định pháp luật và Quy chế Đại hội.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi

(20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban

kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người

không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và khoản 4, Điều 21, Điều lệ này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được

ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f) Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này; khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và khoản 4, Điều 21 Điều lệ này.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Ngoài việc tuân thủ các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, các vấn đề dưới đây chỉ được thông qua khi có văn bản đồng ý của cổ đông là tổ chức nắm giữ từ 10% cổ phần phổ thông của Công ty:

a) Phát hành bất kỳ cổ phần mới hoặc chứng khoán vốn nào khác, trừ trường hợp tăng vốn để đáp ứng yêu cầu của pháp luật nhằm đảm bảo khả năng thanh toán;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty;

c) Bán tài sản, riêng lẻ hoặc tổng gộp, có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản ròng được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

d) Thông qua, sửa đổi chính sách chia cổ tức mà cho phép chi trả trên bất kỳ cơ sở nào khác ngoài lợi nhuận của năm tài chính gần nhất.

e) Sửa đổi hoặc thay thế bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ mà ảnh hưởng đến Khoản 4, Điều 21 này và khoản 14, Điều 31.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty đối với tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm

bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày quyết định của Tòa án hoặc trọng tài có hiệu lực theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ ba (03) người đến mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng

quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Có đơn từ chức;
- c) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư hoặc bán tài sản trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh Người quản lý khác do Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp, tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc tham gia hợp Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Quyết định chuyển địa điểm đặt Trụ sở chính, quyết định thành lập công ty con; Công ty thành viên, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ hợp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ này gây thiệt hại cho

Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải tuân thủ nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và các quy chế, quy định, văn bản khác trên cơ sở đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt/thông qua; ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản khác của Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao ủy quyền, phân công nhiệm vụ;
- g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty và theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành trong thời hạn mười (10) ngày cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu trong các thành viên Hội đồng quản trị một hoặc nhiều Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm một Phó chủ tịch làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc tổ chức, điều phối hoạt động của Hội đồng quản trị; thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị phân công;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ trong trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 29 Điều lệ này;

c) Với tư cách là người đại diện theo pháp luật, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị phân công trực tiếp điều hành một số lĩnh vực, hoạt động cụ thể của Công ty; ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản khác của Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao ủy quyền, phân công nhiệm vụ;

d) Tham gia xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển, chính sách quản trị, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong phạm vi được giao;

e) Phối hợp với Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành trong tổ chức triển khai hoạt động của Công ty; có quyền yêu cầu cung cấp thông tin và báo cáo liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách;

f) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định trừ các trường hợp quy định tại khoản 14 Điều này.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề dưới đây được thông qua nếu được toàn bộ thành viên dự họp có quyền biểu quyết tán thành:

a) Giao dịch giữa Công ty với cổ đông nắm giữ từ 51% tổng số cổ phần có quyền

biểu quyết của Công ty trở lên, người đại diện của cổ đông này, người liên quan của cổ đông này hoặc người liên quan của người đại diện của họ.

b) Định giá tài sản không phải là tiền mặt được sử dụng trong trường hợp phát hành cổ phần, trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ, trừ trường hợp việc định giá được thực hiện bởi tổ chức định giá độc lập.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thư điện tử (e-mail) được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 32. Bộ máy giúp việc trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Căn cứ vào tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị từng thời kỳ, Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương. Tổ chức và nhiệm vụ của bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký Công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

2. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định và phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc được trả lương, thưởng và các lợi ích khác do Hội đồng quản trị quyết định, được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá ba (03) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty phù hợp với phân cấp của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty phù hợp với phân cấp của Hội đồng quản trị, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động phù hợp với phân cấp của Hội đồng quản trị;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản khác của Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao ủy quyền, phân công nhiệm vụ;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Tổng Giám đốc được ủy quyền cho cấp dưới và/hoặc người khác thực hiện một, một số công việc thuộc thẩm quyền của mình.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành bảo hiểm và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên

quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn danh sách tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c) Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
- d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- f) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở

lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường

hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản

lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu

được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị muộn nhất trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVI

CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. Dấu của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc được khắc theo quy định của pháp luật về quản lý con dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và được sử dụng trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị quyết định số lượng con dấu của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc.

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu khắc và/hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII

GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ

Điều 51. Giải thể

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy phép;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 52. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những

quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XX

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 20 Chương 55 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV nhất trí thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025. Bản Điều lệ này thay thế Bản Điều lệ đã được ban hành ngày 09/5/2025 của Công ty.
2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2025.
3. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị pháp lý như nhau, lưu trữ tại Trụ sở chính Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật

Lê Tuấn Dũng
Chủ tịch HĐQT

Đoàn Kiên
Phó chủ tịch HĐQT

Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Hà Nội

www.dbvi.com.vn

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Sửa đổi lần thứ 13)

Hà Nội, 28 tháng 08 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Thuật ngữ	1
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị	1
CHƯƠNG II CHỨC NĂNG, TỔ CHỨC, QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	2
Điều 4. Chức năng của Hội đồng Quản trị	2
Điều 5. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	4
Điều 8. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 9. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị	6
Điều 10. Cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị	7
Điều 11. Nghị quyết của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	9
Điều 13. Công khai lợi ích, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 14. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	11
CHƯƠNG III BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 15. Bộ máy giúp việc trực thuộc Hội đồng quản trị.....	12
CHƯƠNG IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 17. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	13
Điều 18. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	14
CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	14
Điều 19. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế	14
Điều 20. Tổ chức thực hiện	14

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cách thức tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn bảo hiểm DBV (“Công ty”); phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị; mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Điều 2. Thuật ngữ

1. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị làm việc toàn thời gian và duy nhất tại Công ty theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

2. Các thuật ngữ khác áp dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty và/hoặc trong Luật Doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.

2. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, các thành viên Hội đồng quản trị cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý của Công ty (trừ thành viên Hội đồng quản trị không biểu quyết hoặc phản đối).

3. Thành viên Hội đồng quản trị tôn trọng quyền kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát và có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện.

4. Việc sử dụng các Ban chức năng và/hoặc các chuyên viên tại Trụ sở chính để giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn, đánh giá về các vấn đề có liên quan phải được dựa trên quy chế làm việc, quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

CHƯƠNG II
CHỨC NĂNG, TỔ CHỨC, QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Chức năng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ ba (03) người đến mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có đơn từ chức;

c) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư hoặc bán tài sản trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh Người quản lý khác do Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện quản lý phần vốn góp, tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc tham gia hợp Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định chuyển địa điểm đặt Trụ sở chính; Quyết định thành lập công ty con, Công ty thành viên, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải tuân thủ nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội

bộ của Công ty và các quy chế, quy định, văn bản khác trên cơ sở đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt/thông qua; ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản khác của Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao ủy quyền, phân công nhiệm vụ;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành trong thời hạn mười (10) ngày cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu trong các thành viên Hội đồng quản trị một hoặc nhiều Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm một Phó chủ tịch làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc tổ chức, điều phối hoạt động của Hội đồng quản trị; thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị phân công;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ trong trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 7

Quy chế này;

c) Với tư cách là người đại diện theo pháp luật, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị phân công trực tiếp điều hành một số lĩnh vực, hoạt động cụ thể của Công ty; ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản khác của Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao ủy quyền, phân công nhiệm vụ;

d) Tham gia xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển, chính sách quản trị, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, trong phạm vi được giao;

e) Phối hợp với Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành trong tổ chức triển khai hoạt động của Công ty; có quyền yêu cầu cung cấp thông tin và báo cáo liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách;

f) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện kết hợp giữa quyền hạn, trách nhiệm của tập thể Hội đồng quản trị với quyền hạn, trách nhiệm cá nhân từng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết đồng ý/không đồng ý của các thành viên Hội đồng quản trị ngang nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị có giá trị quyết định.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

4. Tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều phải lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị (có thể dưới hình thức biểu quyết trực tiếp tại phiên họp Hội đồng quản trị hoặc biểu quyết dưới hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định).

5. Thành viên không tán thành có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong Biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc trên phiếu lấy ý kiến, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi Hội đồng quản trị đã thông qua.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được phân công chuyên trách có trách nhiệm nghiên cứu các nội dung có liên quan đã được Tổng Giám đốc trình lên hoặc báo cáo, đề xuất ý kiến hoặc biện pháp giải quyết để Hội đồng quản trị xem xét, quyết nghị.

Điều 10. Cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp, biểu quyết Hội đồng quản trị được tiến hành theo quy định tại Điều 30 và các quy định có liên quan tại Điều lệ Công ty.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản. Biên bản cuộc họp được lập bằng tiếng Việt, có thể lập song song bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các quyết định đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm

liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

Điều 11. Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%) hoặc thông qua ý kiến bằng văn bản, Email. Trường hợp số phiếu, ý kiến tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì lá phiếu, ý kiến của Chủ tịch là lá phiếu, ý kiến quyết định.

2. Một số vấn đề trọng yếu, Hội đồng quản trị thông qua khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên bỏ phiếu tán thành gồm:

- a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc; Quy định tiêu chuẩn của Tổng giám đốc;
- b) Quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- c) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
- d) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua Quy chế tài chính;
- f) Quyết định mô hình Công ty, tổ chức lại, sáp nhập, giải thể Công ty;
- g) Việc chào bán, phát hành cổ phiếu của Công ty;
- h) Thông qua đề trình Đại hội đồng cổ đông việc đầu tư, bán số tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;
- i) Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.

3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề dưới đây được thông qua nếu được toàn bộ thành viên dự họp có quyền biểu quyết tán thành theo quy định tại Khoản 14 Điều 31 Điều lệ Công ty:

- a) Giao dịch giữa công ty với cổ đông nắm giữ từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên, người đại diện của cổ đông này, người liên quan của cổ đông này hoặc người liên quan của người đại diện của họ;
- b) Định giá tài sản không phải là tiền mặt được sử dụng trong trường hợp phát

hành cổ phần, trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ, trừ trường hợp việc định giá được thực hiện bởi tổ chức định giá độc lập.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển hoặc chỉ đạo Thư ký Công ty chuyển Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi.

Điều 12. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Quy chế này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, thư điện tử (Email). Thời hạn chậm nhất để trả lời Phiếu lấy ý kiến là ba (03) ngày, trong trường hợp cấp bách có thể lấy lý kiến và trả lời ý kiến trong vòng hai mươi tư (24) giờ. Sau hai (02) ngày kể từ thời hạn trả lời ý kiến, thành viên không cho ý kiến trả lời được coi là đồng ý với nội dung lấy ý kiến.

2. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tới từng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty;
- b) Mục đích, nội dung lấy ý kiến;
- c) Thời hạn trả lời ý kiến;
- d) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Trừ trường hợp xin ý kiến qua Email).

4. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Công ty.

5. Kết quả lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị phải được Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị lập thành Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị và dự thảo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, tập hợp ý kiến, toàn văn

ng nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, Email có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị, nếu:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản, qua Email không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Điều 13. Công khai lợi ích, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan với Công ty gồm:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó từ 5% vốn điều lệ trở lên;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong

cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

8. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 14. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 13 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp mà các thành viên nêu trên là

thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, trong thời gian ba (03) năm trước ngày được bầu.

2. Các giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

CHƯƠNG III

BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Bộ máy giúp việc trực thuộc Hội đồng quản trị

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị từng thời kỳ, Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương. Tổ chức và nhiệm vụ của bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan.

Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 17. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định và các văn bản có liên quan của Hội đồng quản trị. Nghị quyết, quyết định phải quy định rõ trách nhiệm báo cáo của Tổng giám đốc trong trường hợp quá trình thực hiện thấy có những vấn đề không phù hợp hoặc không có lợi cho Công ty để Tổng giám đốc báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh thì Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng giám đốc có nghĩa vụ phải thực hiện, nhưng Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến.

2. Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

3. Hàng tháng, quý, sáu tháng và năm, Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị: Tình hình hoạt động kinh doanh, kết quả thực hiện Nghị quyết, Quyết định, văn bản có liên quan của Hội đồng quản trị, các kiến nghị (nếu có) và kế hoạch hoạt động trong thời gian tới của Công ty (chậm nhất là mười lăm (15) ngày sau tháng, quý phải báo cáo).

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể tham dự bất kỳ các cuộc họp do Tổng giám đốc hay Phó Tổng giám đốc chủ trì. Hàng năm, Hội đồng quản trị có kế hoạch làm việc với các đơn vị trực thuộc của Công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và đề kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị sử dụng và quản lý con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành

6. Các công văn tài liệu giao dịch gửi đến cho Hội đồng quản trị, sau khi vào sổ theo dõi phải được chuyển cho Chủ tịch, Thư ký Công ty để xử lý.

7. Các cuộc họp do các cơ quan chức năng, các đối tác, khách hàng mời Công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) có tính chất đặc biệt quan trọng, có liên quan đến cơ chế, chính sách hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Tổng giám đốc thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị được biết hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách khác tham dự nếu thấy cần thiết.

Điều 18. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại Trụ sở chính, Công ty thành viên, Chi nhánh, Văn phòng khu vực và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

5. Tất cả các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp theo dõi, chỉ đạo quá trình chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra, kể cả những sai phạm của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị (nếu có).

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

1. Các thành viên Hội đồng quản trị và các đơn vị cá nhân có liên quan trong Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.

2. Cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành có liên quan.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày 28/8/2025.

2. Quy chế này thay thế cho Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành ngày 09/5/2025.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị, các cá nhân có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Chủ tịch HĐQT

Lê Tuấn Dũng